



## DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Pháp luật đại cương (202622) - HLNT

CBGD: ()

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV         | Mã lớp   | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Điểm phần nguyên         | Tô điểm lẻ          |
|-----|----------|----------------------|----------|--------|-------|---------|---------|-------------|----------------|--------------------------|---------------------|
| 1   | 14112639 | Nguyễn Thị Phúc Vinh | DH14TYNT |        |       | 7       |         | 7.0         | 7.0            | ○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10 | ● 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 2   | 14113303 | Thái Thị Bích        | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 3   | 14113308 | Dương Ngọc Phương    | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 4   | 14113312 | Nguyễn Chí Trường    | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 5   | 14113425 | Nguyễn Kim Cơ        | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 6   | 14113426 | Hồ Chí Cường         | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 7   | 14113429 | Nguyễn Quốc Duy      | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 8   | 14113436 | Trịnh Thế Hoan       | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 9   | 14113439 | Võ An Huy            | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 10  | 14113444 | Ngô Thành Luân       | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 11  | 14113445 | Quảng Thành Luân     | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 12  | 14113446 | Nguyễn Thị Kim Min   | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 13  | 14113447 | Nguyễn Thị Mỹ        | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 14  | 14113450 | Trần Vĩnh Phát       | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 15  | 14113451 | Trần Văn Phong       | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 16  | 14113452 | Nguyễn Đắc Phú       | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 17  | 14113453 | Lê Công Phúc         | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |
| 18  | 14113454 | Bùi Văn Phụng        | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 | ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 |



## DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Pháp luật đại cương (202622) - HLNT

CBGD: ()

| STT | Mã SV    | Họ và tên SV           | Mã lớp   | Chữ ký | Số tờ | Đ1<br>% | Đ2<br>% | Điểm<br>thi | Điểm<br>T. kết | Điểm phần nguyên      | Tô điểm lẻ        |
|-----|----------|------------------------|----------|--------|-------|---------|---------|-------------|----------------|-----------------------|-------------------|
| 19  | 14113457 | Phan Như Nhật<br>Quyên | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 20  | 14113459 | Nguyễn Hữu<br>Soài     | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |
| 21  | 14113469 | Vô Văn<br>Tú           | DH14NHNT |        |       |         |         |             |                | ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩ | ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ |

Số lượng vắng:

Hiện diện: 01

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

*Nguyễn Thị Bích Ngọc*

*Nguyễn Thái Hòa*